Vài nét về doanh nghiệp

PVS là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Lĩnh vực hoạt động chính của công ty là cung cấp các loại hình dịch vụ kỹ thuật cho các ngành dầu khí, năng lượng, công nghiệp. Một số dịch vụ tiêu biểu của PVS là: EPCI công trình biển, EPC công trình công nghiệp; Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO; tàu dịch vụ dầu khí; khảo sát địa chấn, địa chất, công trình ngầm; cảng dịch vụ; dịch vụ cung ứng nhân lực kỹ thuật và dịch vụ cho các dự án năng lượng tái tạo. PVS là doanh nghiệp nổi bật về cung cấp các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến dầu khí tại Việt Nam.

Khuyến nghị	MUA
Giá mục tiêu	43.278
Tiềm năng tăng giá	25%

Thông tin cổ phiếu

Phân ngành	Dầu khí
Thị giá (07/08/2025)	34.600
Biến động 1 năm	21,4 – 41,2
KLGD bình quân 52T	3.737.781
Vốn hóa (Tỷ đồng)	16.346
P/E	13,5x
P/B	1,1x
%NN sở hữu	13%

Diễn biến giá

	1T	3T	12T
PVS	6,54%	33,6%	-15,4%
VNindex	8,9%	21,8%	19,8%

Chuyên viên phân tích

Phạm Hồng Mộng Thy

phmthy@vcbs.com.vn +84-2838208117 ext 640

https://vcbs.com.vn/trung-tam-phan-tich

Bloomberg: VCBS <GO>

VỮNG NỀN TẢNG, RỘNG DƯ ĐỊA TĂNG TRƯỞNG

ĐÁNH GIÁ: MUA

Hoạt động kinh doanh của PVS được bảo vệ tốt nhờ vào lượng hợp đồng đã ký (backlog) lớn từ các dự án Lô B và điện gió ngoài khơi.

Với giá trị hợp đồng chưa thực hiện từ cả mảng dầu khí truyền thống và năng lượng tái tạo. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận PVS sẽ cải thiện từ năm 2025, khi lô B bước vào giai đoạn triển khai các công việc chính. Chúng tôi tăng giá mục tiêu PVS lên 43.278 đồng/cp (do chúng tôi điều chỉnh tăng giá trị backlog được đóng góp từ dự án Sư tử trắng 2B) và có khuyến nghị **MUA** PVS (+25% so với giá đóng cửa ngày 07/08/2025)

CẬP NHẬT KQKD:

PVS cập nhật KQKD Quý 2 tích cực với **DT đạt 7.383 tỷ đồng (+33% YoY) và LNST đạt 319 tỷ đồng (+53% YoY)**.

Lũy kế 6 tháng DT và LNST lần lượt đạt 13.396 tỷ đồng (+44% YoY) và 619 tỷ đồng (+20% YoY), hoàn thành 61% và 79% KHKD năm 2025 của doanh nghiệp. Doanh thu tăng trưởng tích cực được đóng góp từ (1) mảng Cơ khí và Xây dựng M&C ghi nhận mức tăng 85% YoY, đạt 4,8 nghìn tỷ đồng, khi các dự án Lô B và Lạc Đà Vàng bắt đầu triển khai các công việc chính, và (2) Mảng căn cứ cảng tăng trưởng 93% YoY đạt 593 tỷ đồng. LNST tăng trưởng tích cực nhờ (1) sự cải thiện BLNG mảng M&C lên 3,5% do các dự án E&P nội địa thường mang lại biên lợi nhuận tốt hơn so với các dự án nước ngoài và (2) Doanh thu tài chính tăng 60% YoY được đóng góp bởi lãi chênh lệch tỷ giá tăng 133% YoY.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Hoạt động phân khúc thượng nguồn với các dự án trong nước đạt bước tiến đáng kể khi giá dầu dự báo vẫn khả quan. Tình hình thượng nguồn ngành dầu khí Việt Nam đang cho thấy nhiều tín hiệu tích cực. Nhiều dự án khai thác dầu khí lớn trong nước có những bước tiến mới sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thượng nguồn.

Kỳ vọng BLNG mảng M&C cải thiện, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận chung của doanh nghiệp. Các mảng hoạt động chính Cơ khí & Xây dựng (M&C), Dịch vụ quản lý FPSO/FSO và Căn cứ dịch vụ cảng ít chịu tác động tương quan của diễn biến giá dầu. PVS bước vào nửa cuối năm 2025 với vị thế thuận lợi khi một loạt dự án dầu khí quy mô lớn trong và ngoài nước chính thức được triển khai, tạo tiền đề cho sự bứt phá cả về doanh thu và lợi nhuận.

Chỉ tiêu tài chính	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu	19.374	23.878	28.481	33.105
LNST	1.060	1.412	1.570	1.718
Tăng trưởng DT	18%	23%	19%	16%
Tăng trưởng LNST	12%	33%	11%	9%
Nợ/TTS (%)	7%	5%	7%	9%
TS LN gộp (%)	5%	5%	5%	5%
ROE – TTM (%)	151%	179%	204%	225%
EPS - TTM (đồng)	2.148	2.473	2.985	3.215

TRIỂN VỌNG DOANH NGHIỆP

Giá dầu Brent được dự báo nằm trong khoảng 65 – 70 USD/thùng

Giá dầu Brent được dự báo nằm trong khoảng 65 – 70 USD/thùng do OPEC+ tiếp tục tăng sản lượng trong bối cảnh lo ngại nhu cầu tiêu thụ thị trường suy yếu.

(1) Các biện pháp thuế quan khắt khe có thể làm dấy lên lo ngại về nguy cơ suy thoái kinh tế, từ đó kéo giảm nhu cầu tiêu thụ dầu trên toàn cầu.

(2) OPEC+ đã tuyên bố tiếp tục kế hoạch nâng sản lượng thêm 411.000 thùng/ngày và 548.000 thùng/ngày trong tháng 7 và tháng 8.

(3) Rủi ro địa chính trị tại khu vực Trung Đông vẫn căng thẳng, tình hình an ninh hàng hải tại Biển Đỏ tiếp tục diễn biến phức tạp, kéo theo chi phí vận chuyển tăng cao và tạo thêm sức ép lên thị trường năng lượng toàn cầu.

Dự phóng giá dầu Brent (USD/thùng)	Ngày công bố ước tính	2025
J.P Morgan Research	5/2025	66
Goldman Sachs	7/2025	69
HSBC	4/2025	68,5
Wood Mackenzie	5/2025	69
EIA	7/2025	69

Nguồn: Bloomberg, J.P Morgan Research, Citi Research, Fitch Ratings, Westwood Energy, EIA, S&P Global, VCBS tổng hợp

Hoạt động phân khúc thượng nguồn với các dự án trong nước đạt bước tiến đáng kể khi giá dầu dự báo vẫn khả quan.

Giá dầu duy trì trong vùng 65–70 USD/thùng, các hoạt động khai thác và thăm dò dầu khí vẫn tiếp tục diễn ra ổn định. Các mỏ khí chủ lực hiện nay đã và đang trong giai đoạn suy giảm sau quá trình dài khai thác, trong bối cảnh nhu cầu khí trong nước sẽ ngày càng tăng. Do đó việc phát triển các dự án dầu khí nội địa góp phần đảm bảo phát triển ngành điện phù hợp với các mục tiêu quốc gia và đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.

Tình hình thượng nguồn ngành dầu khí Việt Nam đang cho thấy nhiều tín hiệu tích cực. Nhiều dự án khai thác dầu khí lớn trong nước có những bước tiến mới sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thượng nguồn.

Dự án đường ống dẫn khí lô B – Ô Môn sẵn sàng thi công trên toàn tuyến. Ngày 30/06, chuỗi dự án điện khí Lô B – Ô Môn vừa đạt thêm cột mốc lớn khi các gói thầu xây lắp tuyến ống ngoài khơi đã được ký kết, mở đường cho giai đoạn triển khai thi công toàn tuyến. Tiến độ thiết kế chi tiết theo hợp đồng EPC bờ đã hoàn thành 100%; công tác sản xuất ống đạt 75%, bọc ống đạt 45%; các hạng mục nền móng tại LFS An Minh và trạm GDC Ô Môn đang được triển khai đồng bộ theo kế hoạch.

Dự án mỏ Sư Tử Trắng (giai đoạn 2B) thuộc Lô 15-1 chính thức trao thầu. Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (CLJOC) đã chính thức phát hành Thư trao thầu cho PTSC M&C. Gói thầu bao gồm toàn bộ phạm vi công việc thiết kế, mua sắm, chế tạo, vận chuyển, lắp đặt, đấu nối và chạy thử một giàn công nghệ trung tâm ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam. Theo ước tính của PVS, giá trị hợp đồng đạt hơn 10.000 tỷ đồng (tương đương khoảng 380 triệu USD), cao hơn 52% so với dự phóng trước đó là 250 triệu USD. Việc ký kết và triển khai dự

án có quy mô lớn này không chỉ củng cố backlog hiện tại mà còn mở ra dư địa tăng trưởng doanh thu đáng kể cho PVS trong giai đoạn 2026 – Q1.2028.

Tính đến tháng 5/2025, tiến độ triển khai các gói thầu trong dự án Lạc Đà Vàng đạt kết quả khả quan. Cụ thể, doanh nghiệp đã hoàn thành khoảng 25,5% khối lượng công việc của gói thầu giàn CPP, 27% khối lượng hợp đồng thi công đường ống nội mỏ và 30% khối lượng hợp đồng FSO. Các mốc tiến độ này cho thấy khả năng tổ chức thi công hiệu quả và bám sát kế hoạch tổng thể, đồng thời tạo cơ sở để kỳ vọng việc ghi nhận doanh thu từ các gói thầu này sẽ gia tăng trong các quý tiếp theo.

Kỳ vọng BLNG mảng M&C cải thiện, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận chung của doanh nghiệp. Các mảng hoạt động chính Cơ khí & Xây dựng (M&C), Dịch vụ quản lý FPSO/FSO và Căn cứ dịch vụ cảng ít chịu tác động tương quan của diễn biến giá dầu.

PVS bước vào nửa cuối năm 2025 với vị thế thuận lợi khi một loạt dự án dầu khí quy mô lớn trong và ngoài nước chính thức được triển khai, tạo tiền đề cho sự bứt phá cả về doanh thu và lợi nhuận.

Với việc dự án Lô B và Lạc Đà Vàng đã bước vào giai đoạn xây dựng chính thức, cùng tiến độ ổn định của các dự án lớn nước ngoài như **Baltica 2**, và **35 chân đế điện gió cho khách hàng Đài Loan- Formosa** (trúng thầu vào cuối năm 2024), PVS có cơ sở vững chắc để đạt mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng kể từ năm 2025, được hỗ trợ bởi khối lượng backlog M&C đáng kể.

Bên cạnh các dự án dầu khí ngoài khơi, PVS cũng đang tham gia một số dự án trọng điểm trên bờ. Trong đó, phần việc của công ty tại dự án sân bay Long Thành dự kiến sẽ được hoàn tất trong năm nay. Đồng thời, các dự án công nghiệp khác như tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn và một số dự án cơ sở hạ tầng khác đều đang được triển khai đúng tiến độ, góp phần đảm bảo nguồn doanh thu ổn định cho PVS.

Tăng trưởng lợi nhuận 2H có thể cao hơn 1H nhờ đẩy mạnh hạch toán. Sau giai đoạn chuẩn bị và thực hiện các công đoạn đầu vào trong nửa đầu năm, nhiều dự án bắt đầu bước vào giai đoạn cao điểm thi công và bắt đầu nghiệm thu. Điều này giúp **doanh thu và lợi nhuận nửa cuối năm có thể tăng trưởng vượt trội so với cùng kỳ và so với 6 tháng đầu năm**, nhờ biên lợi nhuận cải thiện và quy mô công việc tăng mạnh.

Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp (BLNG) của mảng M&C sẽ cải thiện, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận chung của doanh nghiệp. Kỳ vọng này dựa trên các yếu tố sau:

(1) **Chính sách khấu hao nhanh:** PVS đang áp dụng chính sách khấu hao trong 3 năm cho các khoản đầu tư vào xưởng sơn và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực mảng M&C, thay vì phân bổ chi phí khấu hao trong 10–20 năm. Điều này khiến BLNG giai đoạn 2023–2024 ở mức thấp, nhưng từ năm 2025 trở đi, áp lực chi phí sẽ giảm đáng kể, tạo dư địa cho tăng trưởng lợi nhuận.

(2) **Dự án Lô B bước vào giai đoạn thi công chính:** Các dự án E&P nội địa của PVS trong lịch sử thường mang lại biên lợi nhuận tốt hơn so với các dự án nước ngoài. Việc Lô B bước vào giai đoạn thi công chính sẽ đóng góp tích cực vào sự cải thiện BLNG, qua đó hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp.

	Hợp đồng M&C	Tổng giá trị hợp đồng (triệu USD)	Ước tính doanh thu 2026-2030 (triệu USD)	Tiến độ ghi nhận doanh thu trong năm 2024	Dự báo doanh thu M&C năm 2025
Dự án dầu khí		**1.792**	**1.825**	**288**	**464**
	Gallaf - GDD3 (Qatar)	380	-	72	12
	Sư tử trắng - GĐ 2B	380	380	-	-
	Lô B	1.150	638	168	345

	Lạc Đà Vàng	262	106	49	106
Dự án điện gió ngoài khơi		**1.090**	**422**	**206**	**267**
	Hải Long 2 &3 (Đài Loan)	90	-	17	2
	Greater Changhua 2b &4 (33 Chân đế)	320	-	131	65
	Baltica 2 (Ba Lan)	180	61	29	90
	Fengmiao (Đài Loan)	100	44	26	30
	Dự án chân đế điện gió Formosa (35 chân đế)	400	317	3	80
Dự án cơ khí dầu khí khác		**432**	**276**	**76**	**80**
Tổng		**3.314**	**2.523**	**570**	**810**

Nguồn: PVS, VCBS tổng hợp và ước tính

ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi ước tính giá mục tiêu đạt **43.278 đồng/cp** dựa trên 2 phương pháp chiết khấu dòng tiền và P/E với tỷ trọng 50/50.

Phương pháp	Định giá	Tỷ trọng
DCF	49.246	50%
P/E	37.308	50%
Giá trị hợp lý	**43.278 đồng/cp**	

Định giá bằng FCFE:

FCFE: tỷ đồng	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F
Lợi nhuận sau thuế	1.427	1.537	1.607	1.634	1.679
Chi phí phi tiền mặt	610	434	338	342	377
Đầu tư TSCĐ	-260	-296	-258	-232	-229
Đầu tư Vốn lưu động	-98	656	116	103	190
Vay nợ ròng	958	982	683	546	416
FCFE	**2.637**	**3.314**	**2.487**	**2.393**	**2.434**
NPV giai đoạn 2025-2029F					**8.711**
NPV giai đoạn tăng trưởng vĩnh viễn (g = 2%)					**7.577**
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng					**8.578**
Giá trị VCSH					**24.867**
Số lượng CPLH (tr.cp)					**478**
Định giá					**52.026**

Định giá bằng FCFF:

FCFF: tỷ đồng	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F
Lợi nhuận sau thuế	1.427	1.537	1.607	1.634	1.679
Chi phí phi tiền mặt	610	434	338	342	377
Lãi vay sau thuế	72	102	102	141	158
Đầu tư TSCĐ	-260	-296	-258	-232	-229
Đầu tư Vốn lưu động	-98	656	116	103	190
FCFF	1.751	2.433	1.906	1.987	2.176
NPV giai đoạn 2025-2029F					**7.005**
NPV giai đoạn tăng trưởng vĩnh viễn (g = 2%)					**9.686**
Tổng giá trị doanh nghiệp					**16.692**
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng					**8.578**
Vay nợ ròng					**2.617**
Giá trị VCSH					**22.653**
Số lượng CPLH (tr.cp)					**478**
Định giá					**47.394**

RỦI RO ĐẦU TƯ

Rủi ro giá dầu giảm mạnh hơn dự kiến. dẫn đến chậm trễ trong việc triển khai các dự án lớn. Mặc dù HĐKD cốt lõi của PVS – mảng M&C đã có sự phục hồi về doanh thu .các dự án mảng M&C thường có mức biên LN mỏng do mức độ cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế. đặc biệt là trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào neo cao.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH DỰ PHÓNG – Đơn vị: triệu đồng

Kết quả kinh doanh	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	16.373	19.374	23.878	28.481	33.105
- Giá vốn hàng bán	15.458	18.335	22.745	26.946	31.301
Lợi nhuận gộp	915	1.039	1.133	1.536	1.804
- Chi phí bán hàng	657	651	863	863	863
- Chi phí quản lí DN	79	85	95	114	132
Lợi nhuận HĐKD	828	967	1.155	1.213	1.274
- (Lỗ) / lại tỷ giá	1	2	3	4	4
- Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
EBIT	233	139	667	587	623
- Chi phí lãi vay	51	73	64	87	123
LNTT	183	66	603	500	500
- Thuế TNDN	1.174	1.277	1.700	1.890	2.068
LNST	944	1.060	1.412	1.570	1.718
- Lợi ích CĐTS	61	34	230	143	181
LNST CĐ CT Mẹ	884	1.026	1.182	1.427	1.537
EPS (đ)	1.279	1.513	1.726	2.083	2.245
EBITDA	705	632	1.268	1.197	1.057
Tăng trưởng	**2022**	**2023**	**2024**	**2025F**	**2026F**
Doanh thu	15%	18%	23%	19%	16%
LN HĐKD	16%	17%	19%	5%	5%
LN Hợp nhất	-15%	-64%	812%	-17%	0%
LNST	39%	12%	33%	11%	9%
EBIT	-10%	-40%	379%	-12%	6%
EPS	184%	18%	14%	21%	8%
Tổng tài sản	4%	2%	29%	6%	11%
Nợ vay	11%	26%	-5%	58%	38%
VCSH	4%	4%	4%	5%	5%
Khả năng sinh lời	**2022**	**2023**	**2024**	**2025F**	**2026F**
Tỷ suất LNG	6%	5%	5%	5%	5%
Tỷ suất LNST	6%	5%	6%	6%	5%
ROE DuPont	8%	8%	11%	11%	12%
ROA DuPont	4%	4%	4%	4%	4%
Tỷ suất EBIT	1%	1%	3%	2%	2%
LNTT / LNST	19%	6%	43%	32%	29%
LNTT / EBIT	78%	47%	90%	85%	80%
Vòng quay TTS	63%	73%	70%	79%	83%
Đòn bẩy tài chính	104%	100%	144%	146%	159%
ROIC	7%	7%	9%	9%	9%
Hiệu quả hoạt động	**2022**	**2023**	**2024**	**2025F**	**2026F**
Số ngày tồn kho	26	29	31	27	27
Số ngày phải thu	115	81	95	80	78
Số ngày phải trả	255	208	267	224	213
Luân chuyển tiền	(114)	(97)	(141)	(116)	(108)
COGS/Hàng tồn kho	14	12	12	14	14
An toàn tài chính	**2022**	**2023**	**2024**	**2025F**	**2026F**
TT hiện hành	1,8	1,8	1,7	1,8	1,7
TT nhanh	1,7	1,6	1,6	1,6	1,6
TT tiền mặt	1,1	1,1	1,1	1,2	1,1
Nợ / Tài sản	0,1	0,1	0,0	0,1	0,1
Nợ / Vốn sử dụng	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2
Nợ / Vốn CSH	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2
Khả năng TT lãi vay	4,6	1,9	10,4	6,8	5,1

Cân đối kế toán	2022	2023	2024	2025F	2026F
Tài sản					
+ Tiền	5.219	5.757	11.422	13.459	16.288
+ ĐTTC ngắn hạn	4.837	4.329	3.886	3.886	3.886
+ Phải thu	5.047	4.185	6.148	6.181	7.012
+ Hàng tồn kho	1.090	1.470	1.924	1.993	2.313
+ Khác	276	548	501	612	704
Tài sản ngắn hạn	**16.470**	**16.290**	**23.880**	**26.131**	**30.203**
+ Tài sản dài hạn	124	123	94	94	94
+ Khấu hao lũy kế	3.048	3.391	3.588	3.663	3.525
+ Tài sản dài hạn	9.549	10.009	10.567	11.181	11.616
+ ĐTTC dài hạn	4.918	4.945	4.722	4.722	4.722
+ Khác	1.023	1.130	1.201	1.201	1.201
Tài sản dài hạn	**9.454**	**10.126**	**10.193**	**9.913**	**9.775**
Tổng Tài sản	**25.924**	**26.416**	**34.074**	**36.045**	**39.978**
Nợ & VCSH					
+ Phải trả (ngắn)	7.764	7.215	11.937	11.930	13.731
+ Vay ngắn hạn	752	1.176	869	1.810	2.750
+ Khác	676	668	860	1.076	1.308
Nợ ngắn hạn	**9.192**	**9.060**	**13.666**	**14.816**	**17.788**
+ Vay dài hạn	624	564	790	807	850
+ Phải trả dài hạn	3.678	3.812	5.517	5.534	5.577
Nợ dài hạn	3.678	3.812	5.517	5.534	5.577
Tổng nợ	**12.869**	**12.872**	**19.184**	**20.350**	**23.365**
+ Vốn điều lệ	4.780	4.780	4.780	4.780	4.780
+ Cổ phiếu ưu đãi	1	2	3	4	4
+ Thặng dư	40	40	40	40	40
+ LN giữ lại	3.897	4.048	4.194	4.439	4.729
+ Lợi ích CĐTS	730	710	1.566	1.709	1.889
Vốn chủ sở hữu	12.324	12.834	13.325	13.986	14.724
Tổng nguồn vốn	**25.924**	**26.416**	**34.074**	**36.045**	**39.978**

Lưu chuyển tiền	2022	2023	2024	2025F	2026F
Tiền đầu năm	**5.747**	**5.219**	**5.757**	**11.422**	**13.459**
LNST	**1.276**	**1.277**	**1.700**	**1.427**	**1.537**
+ Khấu hao lũy kế	**471**	**493**	**601**	**610**	**434**
+ Điều chỉnh	-1.307	-1.427	-1.061	-265	-150
+ Thay đổi VLĐ	1.057	-627	3.048	-98	656
Tiền từ HĐKD	**-1.727**	**818**	**1.109**	**-260**	**-296**
+ Thanh lý TSCĐ	63	5	4	0	0
+ Mua sắm TSCĐ	-498	-899	-843	-260	-296
+ Đầu tư ròng	-1.292	1.712	1.948	0	0
+ Khác	0	0	0	0	0
Tiền từ HĐĐT	**-1.727**	**818**	**1.109**	**-260**	**-296**
+ Cổ tức đã trả	-430	-378	-379	-335	-335
+ Tăng (giảm) vốn	0	0	0	0	0
+ Nợ ngắn hạn	0	0	0	941	940
+ Nợ dài hạn	0	0	0	17	43
+ Khác	108	345	577	0	0
Tiền từ HĐTC	**-321**	**-32**	**198**	**623**	**648**
Lưu chuyển tiền	-551	501	5.595	2.037	2.829
Tiền cuối năm	**5.219**	**5.757**	**11.422**	**13.459**	**16.288**

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định. thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính. chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó. nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập. đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên. do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố. VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Khuyến nghị	Chi tiết
MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên trong vòng 6 tháng tới
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15% trong vòng 6 tháng tới
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15% trong vòng 6 tháng tới.

Khả năng sinh lời của cổ phiếu được tính bằng tổng của tiềm năng tăng giá kể từ thời điểm công bố báo cáo (đã điều chỉnh). và tỷ suất cổ tức tiền mặt dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo. các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 06 tháng.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

tmhoang@vcbs.com.vn

Lý Hoàng Anh Thi

Phó Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

lhathi@vcbs.com.vn

Phạm Hồng Mộng Thy

Chuyên viên Phân tích

phmthy@vcbs.com.vn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

https://vcbs.com.vn/trung-tam-phan-tich

Bloomberg: VCBS <GO>